

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-PT

Ngày 29/01/2021

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản, công nợ khi ly
hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn San và ông Phạm Việt Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/HNGĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản, công nợ khi ly hôn*”.

Do bản án Hôn nhân gia đình số 31/2020/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trương Văn L, sinh năm 1980. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Chị Trương Thị D, sinh năm 1985. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. NLQ1, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện L, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

2. NLQ2; địa chỉ trụ sở: Số 63, Lê Văn L, phường T, quận G, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ - Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền của ông Đức: Bà Phạm Thị Trung H - Phó tổng giám đốc NLQ2.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà: Ông Trần Thanh C - Giám đốc Ngân hàng Đ - Chi nhánh Nam Định và ông Hà Đình Q - Chuyên viên khách hàng cá nhân **Ngân hàng Đ** - Chi nhánh Nam Định; địa chỉ: Số 625, đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Có mặt ông Q; vắng mặt ông C)

3. Người kháng cáo: Anh Trương Văn L là nguyên đơn trong vụ án.

4. Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được xác định như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trương Văn L và chị Trương Thị D lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, có con chung, tài sản chung nhưng đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh Trương Văn L: Khoảng tháng 11/2016 anh đi làm tại thành phố Hà Nội nghi ngờ chị D ngoại tình nên mâu vợ chồng thường xuyên xảy ra trầm trọng, ra kéo dài đến tháng 02/2020 anh đuổi chị D ra khỏi nhà, vợ chồng anh cũng ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn với chị Trương Thị D.

Theo chị Trương Thị D: Sau khi kết hôn cuộc sống giữa chị và anh L không hạnh phúc, khoảng tháng 01/2019 chị phát hiện anh L có quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ khác ở tại thành phố Hà Nội; vợ chồng chị liên tục mâu thuẫn cãi chửi nhau, anh L đánh đập chị thậm tệ, chị đã báo công an xã đến giải quyết 02 lần nhưng anh L vẫn đánh và bắt chị ký vào đơn ly hôn. Ngày 07/01/2020 (âm lịch), anh L gây sự đánh và đuổi chị ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với anh L.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh Trương Văn L và chị Trương Thị D có 02 con chung là cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 16/11/2007 và cháu Trương Văn H, sinh ngày 14/5/2010, hiện hai cháu đang ở cùng anh L. Anh Trương Văn L và chị Trương Thị D đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Anh Trương Văn L và chị Trương Thị D cùng xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, xây dựng, kiến thiết trên thửa đất số 150, tờ bản đồ số 133 ở Thôn C, xã K, huyện L, tỉnh Hà Nam của bố mẹ đẻ là ông Trương Văn X và NLQ1, đã được Tòa án định giá gồm:

I. Về nhà ở, công trình vật kiến trúc:

1. Nhà mái bằng: $71,4\text{m}^2 \times 3.332.000 \text{ đồng/m}^2 = 166.533.000 \text{ đồng}$.

2. Bếp lợp tôn: $15,84\text{m}^2 \times 2.240.000 \text{ đồng/m}^2 = 21.289.000 \text{ đồng}$.

3. Lán lợp tôn: $24,99\text{m}^2 \times 286.000 \text{ đồng/ m}^2 = 4.288.000 \text{ đồng}$.
4. Trụ cống: $0,384\text{m}^3 \times 1.365.000 \text{ đồng/ m}^3 = 378.000 \text{ đồng}$.
5. Tường dậu: $1,1\text{m}^3 \times 1.538.000 \text{ đồng/ m}^3 = 1.015.000 \text{ đồng}$.
6. Sân lát gạch men: $23,04\text{m}^2 \times 132.000 \text{ đồng/ m}^2 = 1.825.000 \text{ đồng}$.
7. Hàng rào + Cổng Inox: $136\text{kg} \times 85.000 \text{ đồng/ kg} = 8.092.000 \text{ đồng}$.
8. Cầu thang: $6,3\text{m} \times 2.466.000 \text{ đồng/ m} = 9.321.000 \text{ đồng}$.

II. Đồ dùng sinh hoạt:

1. Điều hòa Toshiba 9000BTU trị giá: 2.800.000 đồng.
2. Bếp gas Rinnai đôi + bình gas trị giá: 480.000 đồng.
3. Tivi samsung 43inch trị giá: 2.700.000 đồng.
4. Máy giặt Sanyo 8kg trị giá: 1.600.000 đồng.
5. Bình nước nóng Ariston 15 lít trị giá: 840.000 đồng.
6. Tủ lạnh Sanyo 180 lít trị giá: 1.380.000 đồng.
7. Bình nước inox 03 chiếc (1000 lít/chiếc) trị giá: 2.880.000 đồng.
8. Đệm sofa hồng 02 chiếc trị giá: 4.414.000 đồng.
9. Kệ tivi trị giá: 1.000.000 đồng.
10. Tủ quần áo 02 chiếc trị giá: 3.000.000 đồng.
11. Giường ngủ 02 chiếc trị giá: 1.600.000 đồng.
12. Rèm cửa sổ 03 chiếc trị giá: 2.450.000 đồng.

III. Ô tô, xe máy:

1. 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios 2019 bản E, biển kiểm soát 90A-080.xx trị giá: 390.000.000 đồng.
2. 01 chiếc xe mô tô LEAD, biển kiểm soát 90B1-619.xx vợ chồng anh L, chị D thỏa thuận trị giá: 25.000.000 đồng.

Tổng tài sản trị giá = 652.885.000đ (Sáu trăm năm mươi hai triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Anh Trương Văn L và chị Trương Thị D thống nhất chia tài sản chung của vợ chồng mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản. Chị D có nguyện vọng được sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios 2019 bản E, biển kiểm soát 90A-080.xx và chiếc xe mô tô LEAD, biển kiểm soát 90B1-619.xx; anh L đề nghị giao chị D sử dụng chiếc xe mô tô LEAD, biển kiểm soát 90B1-619.xx, anh có nguyện vọng sử dụng toàn bộ số tài sản còn lại và thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị D.

Tại đơn yêu cầu chia tài sản, chị Trương Thị D có yêu cầu Tòa án chia bộ bàn ghế ngồi uống nước phòng khách. Tuy nhiên khi Tòa án thẩm định và định

giá thì bộ bàn ghế không còn, nên chị D đã xin rút yêu cầu giải quyết về phần tài sản này.

- *Về nợ chung*: Anh Trương Văn L và chị Trương Thị D thống nhất, năm 2019 vợ chồng có vay vốn của **Ngân hàng Đ** - Chi nhánh Nam Định để mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios 2019 bản E, biển kiểm soát 90A-080.xx với số tiền 404.000.000 đồng. Ngày 18/01/2019 Ngân hàng Đ - Chi nhánh Nam Định đã giải ngân cho anh chị số tiền 404.000.000 đồng để thanh toán tiền mua xe cho TOYOTA chi nhánh Nam Định, với lãi suất 11%/năm (lãi suất này là 03 tháng đầu); sau đó lãi suất anh L - chị D phải chịu theo lãi suất thả nổi của Ngân hàng Đ (có nghĩa là anh L - chị D phải chịu lãi suất theo mức quy định của Ngân hàng Đ đối với các khách hàng trong cả nước) với thời hạn 04 năm, đến ngày 18/01/2023 thì thanh lý hợp đồng.

Tính đến tháng 7/2020 anh L, chị D đã trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng với số tiền 202.561.741 đồng; từ tháng 7/2020 đến ngày 21/10/2020 anh L, chị D chưa trả nợ ngân hàng.

Anh Trương Văn L và chị Trương Thị D thống nhất mỗi người trả NLQ2 - Chi nhánh Nam Định 50% số nợ còn lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *NLQ1 trình bày*: Về quan hệ hôn nhân cũng như việc giải quyết về nuôi con của anh Trương Văn L và chị Trương Thị D do anh chị tự quyết định. Quá trình anh L, chị D chung sống gia đình bà có cho anh chị mượn một phần thửa đất số 150, tờ bản đồ số 133 ở Thôn C, xã K, huyện L, tỉnh Hà Nam để anh chị xây nhà và các công trình phụ để ở. Nay anh chị ly hôn và xác định phần đất là của bà, anh L - chị D yêu cầu Tòa án chia các tài sản trên đất cho anh chị theo quy định của pháp luật, nên bà không có ý kiến gì.

- *Đại diện NLQ2 - Chi nhánh Nam Định, ông Trần Thanh C và ông Hà Đình Q trình bày*:

Theo theo Hợp đồng cho vay số 826662.19.775.4833523.TD ngày 18/01/2019 thì anh Trương Văn L và chị Trương Thị D có vay vốn của Ngân hàng Đ - Chi nhánh Nam Định để mua chiếc xe ô tô TOYOTA Vios 2019 bản E, biển kiểm soát 90A-080.xx với số tiền 404.000.000 đồng, ngày 18/01/2019 Ngân hàng Đ - Chi nhánh Nam Định đã giải ngân cho anh Trương Văn L và chị Trương Thị D số tiền 404.000.000 đồng để thanh toán tiền xe cho TOYOTA chi nhánh Nam Định với lãi suất 11%/năm (lãi suất này là 03 tháng đầu); sau đó lãi suất anh chị Lâm- Dung phải chịu theo lãi suất thả nổi của Ngân hàng Đ (có nghĩa là anh L - chị D phải chịu lãi suất theo mức quy định của Ngân hàng Đ đối với các khách hàng trong cả nước) với thời hạn 04 năm đến 18/01/2023. Đảm bảo cho khoản vay, anh L - chị D đã thế chấp cho ngân hàng giấy tờ đăng ký xe (bản chính).

Tính đến tháng 7/2020 thì vợ chồng anh Trương Văn L và chị Trương Thị D đã trả được cả gốc và lãi với số tiền 202.561.741 đồng; từ tháng 7/2020 đến ngày 21/10/2020 thì anh L - chị D không trả nợ ngân hàng là vi phạm hợp đồng.

Tính đến ngày 21/10/2020, anh L và chị D còn nợ ngân hàng cả gốc, lãi và tiền phạt là: 274.450.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 258.911.000 đồng; lãi là 10.361.000 đồng và tiền phạt trả trước hạn 5.178.220 đồng. Toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/11/2020 là 271.029.784 đồng. Đối với khoản tiền phạt trả trước là 5.172.348 đồng ngân hàng không yêu cầu anh L, chị D phải trả; về tài sản thế chấp đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Nay anh L và chị D khởi kiện ly hôn, Ngân hàng Đ - Chi nhánh Nam Định yêu cầu anh chị phải trả toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên.

Trong trường hợp *đến hạn khách hàng không trả nợ*, thì ngân hàng sẽ có thông báo đến khách hàng, trường hợp anh L - chị D không trả nợ thì Ngân hàng sẽ thông báo và sẽ tiến hành thu giữ tài sản sản và phát mãi chiếc xe ô tô Vios 2019 bản E, biển kiểm soát 90A-080.22.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; anh Trương Văn L và chị Trương Thị D thuận tình ly hôn nhưng không nhất được việc nuôi con chung, chia tài sản và công nợ chung.

*Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm 31/2020/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ các Điều 51, 55, 59, 61, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 144, 147 157, 165, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trương Văn L và chị Trương Thị D.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Trương Văn L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Văn H, sinh ngày 14/5/2010 cho tới khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Giao cho chị Trương Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 16/11/2007 từ tháng 11/2020 cho tới khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Anh Trương Văn L và Trương Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

- Giao cho anh Trương Văn L được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản gồm: Nhà mái bằng diện tích 71,4m²; Bếp lợp tôn diện tích 15,84m²; Lán lợp tôn diện tích 24,99m²; Trụ cổng: 0,384m³; Tường dậu: 1,1m³; Sân lát gạch men: 23,04m²; Hàng rào + Cổng Inox: 136kg; Cầu thang: 6,3m; Điều hòa Toshiba 9000BTU; Bếp gas Rinnai đôi + bình gas; Tivi samsung 43inch; Máy giặt Sanyo 8kg; Bình nước nóng Ariston; Tủ lạnh Sanyo 180 lít; Bình nước inox 03 chiếc (1000 lít/chiếc); Đệm sông hồng 02 chiếc; Kệ tivi trị giá; Tủ quần áo 02 chiếc; Giường ngủ 02 chiếc; Rèm cửa sổ 03 chiếc; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios 2019 bản E, BKS 90A-080.xx;

Anh Trương Văn L có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản trả chị Trương Thị D số tiền là 165.648.000đ. Sau khi anh L thanh toán chênh lệch tài sản trả chị D, giá trị tài sản anh L được hưởng là 190.649.564đ (*Một trăm chín mươi triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi tư đồng*).

- Giao cho chị Trương Thị D được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản gồm: 01 chiếc xe mô tô LEAD, biển kiểm soát 90B1-619.xx, trị giá 25.000.000 đồng và được nhận khoản tiền do anh Trương Văn L thanh toán trả chênh lệch giá trị tài sản là 165.648.000đ (*Một trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn*).

4. Công nợ chung: Anh Trương Văn L có trách nhiệm thanh toán trả NLQ2 - Chi nhánh Nam Định toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 271.857.436đ (*Hai trăm bảy mươi một triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng*).

5. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Trương Văn L phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí chia tài sản là 9.532.478 đồng. Cộng là 9.832.478 đồng, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu số 0003621 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh L còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 9.532.478 đồng, làm tròn là 9.532.000đ (*Chín triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

- Chị Trương Thị D phải chịu án phí chia tài sản là 9.532.400 đồng, làm tròn thành 9.532.000 đồng, được trừ số tiền 24.100.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0003681 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị D được nhận lại số tiền 14.568.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Trong thời hạn luật định, ngày 02/12/2020, anh Trương Văn L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân điều tra xác minh, xét xử lại vụ việc vì không nhất trí giao cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 16/11/2007 cho chị D nuôi dưỡng.

* Ngày 23/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 31/2020/HNGĐ-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam về phần án phí. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm buộc anh L, chị D phải chịu án phí đối với nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Anh Trương Văn L trình bày: Anh không kháng cáo về ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung và các quyết định khác của bản án sơ thẩm; chỉ kháng cáo xin được nuôi cả 2 con chung là cháu Trương Văn H, sinh ngày 14/5/2010 và cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 16/11/2007, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo vì từ đầu năm 2020 đến nay chị D không có trách nhiệm với con chung. Anh đề nghị không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam về án phí đối khoản nợ ngân hàng vì chưa đến hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, bản án sơ thẩm giao cho anh có trách nhiệm trả nợ ngân hàng anh nhất trí và không kháng cáo.

- Chị Trương Thị D trình bày: Vợ chồng chị nợ ngân hàng là đúng, không có tranh chấp về nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng, bản án sơ thẩm giao cho anh L có trách nhiệm trả nợ chị nhất trí và không có kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của anh L về phần nuôi con chung vì chị nuôi các cháu từ nhỏ đến đầu năm 2020, do anh L đuổi chị ra khỏi nhà nên chị không thực hiện được quyền nuôi con; chị có thu nhập, có nguyện vọng nuôi cả hai cháu không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, anh L cũng có nguyện vọng nuôi con, do vợ chồng chị có 02 con chung nên bản án sơ thẩm giao cho vợ chồng chị mỗi người nuôi 01 cháu, chị nhất trí và không kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 31/2020/HNGĐ-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam về phần nuôi con chung.

- Đại diện NLQ2 - Chi nhánh Nam Định có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm giao cho anh L có trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng tín dụng sau khi vợ chồng ly hôn, Ngân hàng nhất trí và không có kháng cáo. Nếu đến hạn trả nợ

anh L không trả nợ theo hợp đồng tín dụng thì ngân hàng sẽ phát mại tài sản thế chấp và thực hiện các thủ tục thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam trong thời hạn luật định nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Trong vụ án này vợ chồng anh L chị D có 02 con chung là cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 16/11/2007 và cháu Trương Văn H, sinh ngày 14/5/2010, hiện hai cháu đang ở cùng anh L; các đương sự đều có nguyện vọng nuôi con chung, có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con chung nên cấp sơ thẩm giao cho anh L và chị D đều có quyền nuôi con chung là phù hợp, đúng pháp luật, vì vậy kháng cáo của anh L về con chung là không có căn cứ chấp nhận.

Bản án sơ thẩm số 31/2020/HNGĐ-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam không buộc anh L, chị D phải chịu án phí sơ thẩm đối với khoản nợ phải trả NLQ2 - Chi nhánh Nam Định 271.857.000 đồng là vi phạm điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Vì các lý do nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Trương Văn L, cấm cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam sửa một phần bản án sơ thẩm số 31/2020/HNGĐ-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam về phần án phí sơ thẩm theo hướng buộc anh L, chị D chịu án phí (đối với khoản nợ ngân hàng 271.857.000 đồng) mỗi người phải chịu là 6.796.000 đồng. Án phí phúc thẩm: Anh L không phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Trương Văn L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận để xem xét theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của anh Trương Văn L:

Về con chung: Vợ chồng Anh L và chị D vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 16/11/2007 và cháu Trương Văn H, sinh ngày 14/5/2010; hiện hai cháu đang ở cùng anh L. Khi ly hôn, Anh Trương Văn L và chị Trương Thị D đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Chị D hiện đang làm việc tại Công ty F, có mức thu nhập bình quân 9.800.000đ/tháng, anh L hiện đang hành nghề lái xe taxi tại Hà Nội, có thu nhập và đều có quyền nuôi dưỡng con chung, giáo dục con chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Trương Văn H cho anh L nuôi dưỡng; giao cháu Trương Minh Đ cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy, anh L kháng cáo xin nuôi hai cháu Trương Minh Đ và cháu Trương Văn H là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam về án phí:

Về nợ chung: Ngày 18/01/2019 Ngân hàng Đ - Chi nhánh Nam Định đã giải ngân cho vợ chồng Trương Văn L và chị Trương Thị D có vay số tiền 404.000.000 đồng để thanh toán tiền mua xe cho TOYOTA chi nhánh Nam Định, với lãi suất 11%/năm (lãi suất này là 03 tháng đầu); sau đó lãi suất anh L - chị D phải chịu theo lãi suất thả nổi của Ngân hàng Đ với thời hạn 04 năm, đến ngày 18/01/2023 thì thanh lý hợp đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/11/2020 anh L, chị D còn nợ NLQ2 - Chi nhánh Nam Định số tiền cả gốc và lãi là 271.587.436 đồng. Cấp sơ thẩm đã giao đã cho anh Trương Văn L được quyền sở hữu, sử dụng 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios 2019 bản E, BKS 90A-080.xx là tài sản chung của vợ chồng đang thế chấp tại ngân hàng và giao anh L trả toàn bộ khoản nợ chung của vợ chồng cho NLQ2 - Chi nhánh Nam Định là phù hợp.

Xét thấy: Trong vụ án này NLQ2 - Chi nhánh Nam Định không có yêu cầu độc lập, không nộp tạm ứng án phí; mặt khác hợp đồng tín dụng chưa đến hạn thanh toán là ngày 18/01/2023; nếu anh L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu trả theo quy định của pháp luật khi đó anh L mới phải chịu án phí do nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Bản chất bản án sơ thẩm giao cho anh L trả nợ ngân hàng theo hợp đồng tín dụng là phân chia trách nhiệm trả nợ sau khi ly hôn, cấp sơ thẩm không giải quyết về tranh chấp về quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng. Do vậy, anh L và chị D không phải chịu án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Trương Văn L về con chung.
- Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam về án phí sơ thẩm.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 31/2020/HNGĐ-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 144, 147 157, 165, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về con chung:

- Giao cho anh Trương Văn L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Văn H, sinh ngày 14/5/2010 cho tới khi cháu H đủ 18 tuổi.
- Giao cho chị Trương Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 16/11/2007 từ tháng 11/2020 cho tới khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Anh Trương Văn L và Trương Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Anh Trương Văn L phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí chia tài sản là 9.532.478 đồng. Cộng là 9.832.478 đồng, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu số 0003621 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh L còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 9.532.478 đồng, làm tròn là 9.532.000đ (*Chín triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

- Chị Trương Thị D phải chịu án phí chia tài sản là 9.532.400 đồng, làm tròn thành 9.532.000 đồng, được đối trừ số tiền 24.100.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0003681 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện L. Chị D được nhận lại số tiền 14.568.000đ (Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

3. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Trương Văn L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003812 ngày 15/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L được đối trừ khi thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Trưởng